

Số: 22../QC-ĐHĐCĐ

Sóc Trăng, ngày 18.. tháng 08.. năm 2019

QUY CHẾ LÀM VIỆC
Tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 (sau đây gọi tắt là Đại hội) của Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng.

Điều 2. Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của các cổ đông và các bên tham gia Đại hội, thể thức tiến hành Đại hội.

Điều 3. Cổ đông và các bên tham gia Đại hội có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

Chương II
QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG VÀ CÁC BÊN THAM GIA ĐẠI HỘI

Điều 4. Điều kiện tham dự Đại hội

1. Là cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của các cổ đông có tên theo danh sách số 608/2019-STW/VSD-ĐK ngày 12/4/2019 của Trung tâm lưu ký Chứng khoán.

2. Là Khách mời, Tổ chức Tư vấn (nếu có).

Điều 5: Quyền của các cổ đông phổ thông hoặc người đại diện theo ủy quyền khi tham gia Đại hội

1. Cổ đông được quyền trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền bằng Giấy ủy quyền (theo mẫu quy định) cho người đại diện tham dự và biểu quyết tại Đại hội. Giấy ủy quyền phải gửi về Ban tổ chức đại hội theo hướng dẫn tại thư mời Đại hội.

2. Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền được quyền tham dự Đại hội, thảo luận và biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội và có trong Chương trình Đại hội. Những ý kiến của các cổ đông tham gia trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền với Đại hội sẽ được thảo luận tại Đại hội đồng cổ đông.

3. Được Đoàn chủ tịch Đại hội thông báo công khai Chương trình Đại hội và các tài liệu khác trình tại Đại hội.

4. Tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên mỗi cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền khi tới tham dự Đại hội phải mang theo Giấy mời, Giấy ủy quyền (nếu có), Chứng minh nhân dân trình Ban tổ chức Đại hội và được nhận Thẻ biểu quyết và các tài liệu có liên quan đến Đại hội.

4.1. Thẻ biểu quyết

- Mỗi cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền khi tham dự Đại hội được cấp 01 Thẻ biểu quyết được in sẵn theo mẫu và có đóng dấu treo của Công ty. Thẻ biểu quyết tương ứng với số cổ phần có quyền biểu quyết mà cổ đông đó sở hữu hoặc đại diện theo đăng ký tham dự Đại hội trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả các cổ đông và người đại diện theo ủy quyền có mặt tại Đại hội.

- Đặc điểm: Thẻ biểu quyết ghi thông tin về cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền tham dự và số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

- Mục đích: Dùng để biểu quyết những nội dung cần thông qua tại Đại hội theo hình thức giơ thẻ.

- Cách sử dụng: Khi Đại hội tiến hành thông qua các nội dung cần biểu quyết, cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền phải thực hiện việc giơ thẻ để biểu quyết “Tán thành” hoặc “Không tán thành” hoặc “Không có ý kiến”.

4.2. Phiếu bầu (nếu có)

Trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát. Giá trị biểu quyết của Phiếu bầu cử tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu hoặc đại diện nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát.

5. Các cổ đông, đại diện theo ủy quyền đến sau khi Đại hội đã khai mạc có quyền đăng ký và ngay sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại Đại hội, nhưng Đoàn chủ tịch không có trách nhiệm dừng Đại hội và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành sẽ không bị ảnh hưởng.

Điều 6. Nghĩa vụ của các cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền khi tham dự Đại hội

1. Các cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền khi tham dự Đại hội phải mang theo Giấy mời, Giấy ủy quyền (nếu có), Chứng minh nhân dân và phải hoàn thành các thủ tục đăng ký tham dự Đại hội với Ban tổ chức Đại hội.

2. Tuân thủ các quy định tại Quy chế này, nghiêm túc chấp hành sự điều khiển của Đoàn chủ tịch và tôn trọng kết quả làm việc của Đại hội.

Điều 7. Ban Tổ chức Đại hội

Ban Tổ chức Đại hội chịu trách nhiệm trong việc thực hiện các công việc xuyên suốt từ khâu chuẩn bị trước khi Đại hội tới khi Đại hội kết thúc để đảm bảo Đại hội diễn ra thành công.

Điều 8. Ban thẩm tra tư cách cổ đông

1. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông do Hội đồng quản trị lựa chọn và quyết định thành lập.

2. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông có nhiệm vụ:

2.1. Kiểm tra tư cách cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền đến tham dự Đại hội: Giấy mời, Giấy ủy quyền (nếu có), Chứng minh nhân dân.

2.2. Phân phát tài liệu cho cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền: Thẻ biểu quyết và các tài liệu dự họp.

2.3. Báo cáo trước Đại hội về kết quả thẩm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội.

Điều 9. Ban kiểm phiếu

1. Ban kiểm phiếu gồm 01 Trưởng ban và một số thành viên do Đoàn chủ tịch

đề cử và được Đại hội biểu quyết thông qua. Thành viên Ban kiểm phiếu không được là người có tên trong danh sách đề cử hay ứng cử vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát (*trường hợp có thực hiện Bầu thành viên HĐQT hoặc Ban kiểm soát*).

2. Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ

2.1. Đối với việc biểu quyết các nội dung Đại hội, Ban kiểm phiếu kiểm tra Thẻ biểu quyết; hướng dẫn sử dụng Thẻ biểu quyết; thực hiện kiểm đếm số phiếu biểu quyết theo từng loại: “Tán thành” hoặc “Không tán thành” hoặc “Không có ý kiến”; ghi nhận kết quả biểu quyết; tổng hợp, báo cáo Đoàn chủ tịch kết quả biểu quyết từng vấn đề của Đại hội.

2.2. Trong trường hợp thực hiện bầu Thành viên HĐQT hoặc Ban kiểm soát, Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ thông báo Quy chế bầu cử thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, hướng dẫn sử dụng Phiếu bầu cử, kiểm tra, giám sát việc bỏ phiếu của các cổ đông và tổ chức kiểm phiếu; lập Biên bản kiểm phiếu và công bố kết quả kiểm phiếu trước Đại hội; giao lại Biên bản và toàn bộ phiếu bầu cho Đoàn chủ tịch Đại hội.

3. Mọi công việc kiểm phiếu, lập Biên bản và công bố kết quả kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu phải làm việc trung thực, chính xác và phải chịu trách nhiệm về kết quả đó.

Điều 10. Đoàn chủ tịch và Ban thư ký Đại hội.

1. Ban tổ chức Đại hội đề cử Đoàn chủ tịch của Đại hội và Đại hội biểu quyết thông qua. Đoàn chủ tịch gồm 01 Chủ tọa và 04 thành viên.

2. Quyết định của Đoàn chủ tịch Đại hội về các vấn đề như: Trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình dự kiến của Đại hội sẽ mang tính phán quyết.

3. Đoàn chủ tịch Đại hội tiến hành các công việc mà Đoàn chủ tịch thấy cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự và đảm bảo Đại hội phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông tham dự.

4. Không cần lấy ý kiến của Đại hội, bất cứ lúc nào Đoàn chủ tịch Đại hội cũng có thể trì hoãn Đại hội, chuyển Đại hội đến một địa nếu nhận thấy rằng:

4.1. Hành vi của những người có mặt cản trở hoặc có khả năng cản trở đến diễn biến của Đại hội.

4.2. Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của Đại hội được tiến hành một cách hợp lệ.

5. Ban Thư ký Đại hội gồm 02 thành viên do Đoàn chủ tịch đề cử và được Đại hội biểu quyết thông qua, có nhiệm vụ lập Biên bản Đại hội và thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Đoàn chủ tịch.

Chương III **TRÌNH TỰ TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI**

Điều 11. Điều kiện và cách thức tiến hành Đại hội

1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông được mời họp khi quyết định triệu tập Đại hội đồng cổ đông.

2. Đại hội diễn ra dự kiến 1/2 ngày và sẽ lần lượt thảo luận và thông qua các nội dung nêu tại Chương trình Đại hội

Điều 12. Chương trình, nội dung làm việc của Đại hội

1. Chương trình và nội dung phiên họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngay tại phiên khai mạc.

2. Trường hợp có thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo Giấy mời họp cho cổ đông thì phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại phiên khai mạc.

Điều 13. Thông qua Quyết định tại Đại hội.

1. Các quyết định của Đại hội liên quan đến việc loại cổ phần và số lượng cổ phần từng loại; thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty; tổ chức lại, giải thể doanh nghiệp; dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất sẽ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội tán thành.

2. Trừ trường hợp quy định Khoản 1, Điều 13 này, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội tán thành.

3. Việc bầu cử thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát (nếu có) được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu. Theo đó, mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu và đại diện theo ủy quyền nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

Điều 14. Biên bản phiên họp Đại hội.

Tất cả các nội dung diễn ra tại phiên họp Đại hội phải được Ban thư ký đại hội ghi vào biên bản. Biên bản cuộc họp được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội và được lưu trữ vào Sổ biên bản của Công ty.

Chương IV **ĐIỀU KHOẢN KHÁC**

Điều 15. Các quy định bắt buộc để Đại hội diễn ra thuận lợi

Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông khi tham dự phải:

1. Mang mặc trang phục chỉnh tề, lịch sự; ngồi theo vị trí sắp xếp của Ban tổ chức Đại hội; không nói chuyện riêng, không gây mất trật tự tại Đại hội.

2. Không hút thuốc, uống rượu, bia hoặc sử dụng các chất kích thích khác trong quá trình tham dự Đại hội.

3. Để điện thoại ở chế độ rung hoặc tắt máy. Trường hợp có việc cần trao đổi qua điện thoại thì đề nghị các đại biểu trật tự ra khỏi phòng họp (*không cần báo cáo, xin phép*), sử dụng xong thì trở về vị trí ngồi của mình.

4. Khi cổ đông nào muốn phát biểu thì đề nghị giơ tay và khi nào Chủ tọa mời thì mới được phát biểu.

5. Vì lý do bất khả kháng, cổ đông hoặc người đại diện rời khỏi cuộc họp trước khi kết thúc Đại hội thì phải thông báo và nộp ý kiến bằng văn bản của cá nhân với Ban tổ chức Đại hội. Trường hợp không thông báo và nộp ý kiến bằng văn bản của cá nhân với Ban tổ chức thì cổ đông hoặc người đại diện đó coi như đã đồng ý với tất cả các vấn đề được biểu quyết tại Đại hội.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 16. Điều khoản thi hành.

1. Quy chế này gồm 05 Chương, 16 Điều chỉ áp dụng cho cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng và có hiệu lực thi hành ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

2. Đoàn chủ tịch, cổ đông và những người tham dự Đại hội có trách nhiệm tuân thủ theo các quy định tại Quy chế này./. 

Nơi nhận:

- HĐQT, Ban TGD, BKS;
- Ban tổ chức Đại hội;
- Cổ đông, đại diện cổ đông;
- Lưu: VT, TL ĐHĐCĐ.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH




Nguyễn Trọng Hiếu

BÁO CÁO

Tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 và Phương hướng nhiệm vụ năm 2019

PHẦN I. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018

I. KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH

Công ty Cổ phần Cấp nước Sóc Trăng được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Cấp nước Sóc Trăng, hoạt động chính thức từ ngày 29/12/2017. Thực hiện chức năng và phạm vi hoạt động chủ yếu là khai thác, sản xuất, kinh doanh nước sạch, nước uống đóng chai, đầu tư xây dựng các dự án cấp nước đáp ứng yêu cầu sử dụng nước sạch cho mục đích sinh hoạt và các hoạt động sản xuất, kinh doanh theo chính sách giá do Nhà nước quy định.

- Vốn điều lệ: 158.631.330.000 đồng. Tỷ lệ vốn Nhà nước tại doanh nghiệp 49%.
- Cơ cấu tổ chức của công ty gồm có:
 - + Đại hội đồng cổ đông;
 - + Hội đồng quản trị: 05 thành viên;
 - + Ban Kiểm soát: 03 thành viên;
 - + Ban điều hành: Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng;
 - + 05 phòng ban nghiệp vụ: Phòng Tổ chức hành chính, Phòng Kế toán, Phòng Kinh doanh, Phòng Kế hoạch - Vật tư, Phòng Kỹ thuật;
 - + 13 xí nghiệp trực thuộc tại các thành phố, thị xã, huyện;
 - + Tổng số cán bộ, công nhân viên là 303 người, trong đó nữ 60 người.

1. Thuận lợi

- Ngành Cấp nước tiếp tục là một trong những ngành đóng vai trò quan trọng trong xây dựng phát triển đô thị và phục vụ đời sống nhân dân. Nhu cầu sử dụng nước sạch trong tiêu dùng của người dân và các cơ sở sản xuất kinh doanh ổn định, sản phẩm tiêu thụ được duy trì ở mức độ tăng trưởng so với cùng kỳ năm trước.

- Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc cùng lãnh đạo các đơn vị đã tổ chức triển khai thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh khá tốt, trong đó mục tiêu cơ bản là đáp ứng kịp thời nhu cầu nước sạch phục vụ sinh hoạt và sản xuất. Thường xuyên nắm bắt tình hình khó khăn thuận lợi để có giải pháp thực hiện tiếp theo, khắc phục được những khó khăn vướng mắc. Công tác phục vụ khách hàng được quan tâm

sâu sát, cải tiến lề lối làm việc, nâng cao chất lượng hiệu quả chuyên môn. Công tác kiểm tra giám sát được chú trọng, thông qua các buổi họp định kỳ có đánh giá nhắc nhở rút kinh nghiệm kịp thời.

- Toàn thể cán bộ công nhân viên trong doanh nghiệp luôn phát huy tinh thần trách nhiệm, có trình độ kinh nghiệm hiểu biết theo yêu cầu đổi mới, có sự đoàn kết nhất trí trong công tác lãnh đạo điều hành, phát huy quyền làm chủ tập thể để cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ chung.

- Phong trào thi đua được toàn thể CB.CNV nhận thức và thực hiện sâu rộng, là động lực để xây dựng con người mới, xây dựng cơ quan, đơn vị văn hóa, xây dựng phong cách lề lối làm việc có hiệu quả, tăng năng suất lao động gắn liền với đời sống ổn định.

2. Khó khăn

- Cùng với sự biến động kinh tế trong thời gian vừa qua đã làm giá cả vật tư nguyên vật liệu đầu vào tiếp tục tăng làm ảnh hưởng đến chi phí sản xuất. Bên cạnh đó việc tăng giá trị tài sản khi định giá lại để cổ phần hóa đã tác động đến việc tăng chi phí khấu hao, chi phí lãi vay tăng, tình hình tài chính đang bị mất cân đối và rủi ro trong việc bảo tồn vốn.

- Là một trong những tỉnh chịu ảnh hưởng biến đổi khí hậu đã tác động trực tiếp đến công tác sản xuất của đơn vị, tình trạng nhiễm mặn, nguồn nước cung cấp bị hạn chế, nên việc xử lý và tìm nguồn nước gặp nhiều khó khăn. Để đảm bảo nguồn nước đạt chất lượng theo tiêu chuẩn phục vụ người dân, công ty phải đầu tư nhiều cụm công nghệ xử lý với chi phí tương đối cao. Bên cạnh đó, nhu cầu phát triển đô thị, sử dụng nguồn nước ngày càng tăng nên doanh nghiệp phải cân đối vốn để tái đầu tư phát triển mở rộng, đối với các khu vực ngoại ô thành phố, thị trấn trung tâm khi xây dựng mở rộng thì phải có nguồn vốn nhiều, suất đầu tư bình quân trên 01 hộ cao, khả năng thu hồi vốn chậm.

- Các đơn vị thi công công trình dự án thoát nước còn thiếu sự phối hợp đồng bộ nên đã gây ra trở ngại cho mạng lưới cấp nước bị sự cố liên tục, làm thất thoát nước, ảnh hưởng đến vệ sinh môi trường và tổn hao nhiều nhân lực cho công tác khắc phục sửa chữa.

- Việc triển khai thu phí thoát nước chưa phù hợp đối tượng đã gây khó khăn cho công tác thu tiền hàng tháng, nợ tồn thu kéo dài. Mặc dù công ty đã liên hệ và phản ánh ý kiến của người dân về các sở ngành và UBND thành phố, tuy nhiên việc rà soát thống kê còn bất cập, kéo dài gây trở ngại trong công việc.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH

1. Sản lượng và doanh thu của từng hoạt động sản xuất

TT	Diễn giải	ĐVT	Thực hiện 2017	Năm 2018		Tỷ lệ thực hiện (%)	
				Kế hoạch	Thực hiện	So 2017	So KH
I	Sản lượng						
1	Nước thương phẩm	m ³	17.787.564	18.700.000	18.522.222	104,1	99,0
2	Số lượng khách hàng	hộ	80.107	83.000	83.701	104,5	100,8
3	Nước đóng chai						
3.1	Bình 20 lít	bình	225.377		241.562	107,2	
3.2	Bình 5 gallon	bình	28.029		28.755	102,6	
3.3	Lốc 24 chai (350ml)	lốc	19.718		17.282	87,6	
3.4	Lốc 24 chai (500ml)	lốc	2.721		2.869	105,4	
3.5	Thùng 24 chai (350ml)	thùng	85		47	55,3	
II	Tỷ lệ thất thoát	%	18,11		20	110,4	
III	Tổng doanh thu	đồng	134.141.290.343	132.000.000.000	135.694.473.252	101,2	102,8
III.1	Doanh thu bán hàng và cung cấp DV	đồng	130.102.334.984		135.054.802.458	103,8	
1	Cấp nước	“	122.776.450.477		127.473.253.330	103,8	
2	Lắp đặt	“	3.832.021.441		4.316.706.851	112,6	
3	Nước đóng chai	“	3.114.401.353		3.182.992.277	102,2	
4	Khác	“	379.461.713		81.850.000	21,6	
III.2	Doanh thu hoạt động tài chính	đồng	106.073.399		398.618.166	375,8	
III.3	Thu nhập khác	đồng	3.932.881.960		241.052.628	6,1	

Như vậy, tổng doanh thu đạt 135,61 tỷ, tăng 1,16% so với năm 2017 và tăng 2,8% so với KH, đạt 102,8%

Trong đó:

- + Doanh thu cấp nước: 127,4 tỷ, chiếm 94,4%
- + Doanh thu lắp đặt: 4,3 tỷ, chiếm 3,2%
- + Doanh thu nước đóng chai: 3,1 tỷ, chiếm 2,3%
- + Doanh thu khác: 0,81 tỷ, chiếm 0,1%

2. Kết quả thực hiện kế hoạch của các đơn vị

TT	Đơn vị	ĐVT	Thực hiện 2018	Kế hoạch 2018	Tỷ lệ (%) so KH	Thực hiện 2017	Tỷ lệ (%) so 2017
Sản lượng nước thương phẩm toàn công ty		m ³	18.522.218	18.700.000	99	17.787.564	104,1
1	XNCN Nguyễn Chí Thanh	m ³	6.872.942	6.950.000	98,9	6.619.939	103,8
2	XNCN Phú Lợi	“	5.120.241	5.290.000	96,8	5.044.105	101,5
3	XNCN Mỹ Xuyên	“	1.117.650	1.120.000	99,8	1.081.451	103,3
4	XNCN Vĩnh Châu	“	997.417	1.025.000	97,3	969.773	102,9
5	XNCN Long Phú	“	555.905	540.000	102,9	520.304	106,8
6	XNCN Mỹ Tú	“	400.197	411.000	97,4	389.453	102,8
7	XNCN Trần Đề	“	1.070.250	1.045.000	102,4	997.611	107,3
8	XNCN Đại Ngãi	“	505.502	490.000	103,2	450.780	112,1
9	XNCN Kế Sách	“	699.073	698.000	100,2	639.330	109,3
10	XNCN Thạnh Trị	“	768.457	755.000	101,8	721.848	106,5
11	XNCN Ngã Năm	“	414.584	376.000	110,3	352.970	117,5

Sản lượng nước thương phẩm toàn công ty năm 2018 tăng 4,1% so với năm 2017, tuy nhiên chỉ đạt 99% kế hoạch. Trong đó, có 11/11 đơn vị có sản lượng tăng so với năm 2017 và 06/11 đơn vị hoàn thành chỉ tiêu giao năm 2018.

- XNCN Ngã Năm tăng 10,3% so KH và tăng 17,5% so với 2017;
- XNCN Đại Ngãi tăng 3,16% so KH và tăng 12,1% so với 2017;
- XNCN Long Phú tăng 2,95% so KH và tăng 6,8% so với 2017;
- XNCN Trần Đề tăng 2,42% so KH và tăng 7,3% so với 2017;
- XNCN Thạnh Trị tăng 1,78% so KH và tăng 6,5% so với 2017;
- XNCN Kế Sách tăng 0,15% so KH và tăng 9,3% so với 2017;

* Tỷ lệ thất thoát:

Toàn công ty có tỷ lệ thất thoát là 20%.

3. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2018

T T	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017	KH 2018	So 2018/2017 (%)	So với KH 2018
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	135.054.802.458	130.102.334.984	132.000.000.000	103,8%	102,3%
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02					
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		135.054.802.458	130.102.334.984		103,8%	
4	Giá vốn hàng bán	11	VI.03	102.410.114.652	64.837.800.203		158%	
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		32.644.687.806	65.264.534.781		50%	
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.04	398.618.166	106.073.399		376%	
7	Chi phí tài chính	22	VI.05	9.795.248.232	9.385.765.506		104%	
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		9.795.158.336	9.383.574.635		104%	
8	Phản lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24						
9	Chi phí bán hàng	25	VI.06	24.176.104.339	27.259.288.580		89%	
10	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.06	20.509.768.421	23.761.334.338		86%	
11	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(21.437.815.020)	4.964.219.756		-532%	
12	Thu nhập khác	31	VI.07	241.052.628	3.932.881.960		6%	
13	Chi phí khác	32	VI.08	127.627.837	43.518.400		293%	
14	Lợi nhuận khác	40		113.424.791	3.889.363.560		3%	

T T	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017	KH 2018	So 2018/2017 (%)	So với KH 2018
15	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(21.324.390.229)	8.853.583.316		-341%	
16	Chi phí thuế thu nhập DN hiện hành	51	VI.09		1.770.716.663			
17	Chi phí thuế thu nhập DN hoãn lại	52						
18	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(21.324.390.229)	7.082.866.653			
19	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		(1.344,27)				
20	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71						

- Tổng doanh thu năm 2018 tăng 3,8% so với năm 2017 và tăng 2,3% so với kế hoạch năm 2018.

- Lỗ trước thuế năm 2018 là 21.324 triệu đồng, lợi nhuận giảm 341% so với năm 2017. Nguyên nhân chủ yếu là do đánh giá lại tài sản khi thực hiện công tác cổ phần hóa dẫn đến chi phí khấu hao tài sản cố định tăng lên đột biến.

III. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2018

1. Tình hình tài sản và nguồn vốn

STT	Chỉ tiêu	Năm 2018 (đồng)	Năm 2017 (đồng)	2018/2017 (%)
1	Tổng tài sản	279.307.805.303	406.836.080.098	68,7
	- Tài sản ngắn hạn	22.501.123.220	120.965.820.343	18,6
	- Tài sản dài hạn	256.806.682.083	285.870.259.755	89,8
2	Tổng nguồn vốn	279.307.805.303	406.836.080.098	68,7
2.1	Nợ phải trả	142.000.865.532	248.204.750.098	57,2
	- Nợ ngắn hạn	95.840.957.581	173.395.599.460	55,3
	- Nợ dài hạn	46.159.907.951	74.809.150.638	61,7
2.2	Vốn chủ sở hữu	137.306.939.771	158.631.330.000	86,8
	- Vốn góp của chủ sở hữu	158.631.330.000	158.631.330.000	100
	- Quỹ đầu tư phát triển			
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(21.324.390.229)	-	
	+ LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước			

STT	Chỉ tiêu	Năm 2018 (đồng)	Năm 2017 (đồng)	2018/2017 (%)
	+ <i>LNST chưa phân phối lũy kỳ này</i>			
	- <i>Nguồn vốn đầu tư XD CB</i>			

Năm 2018 so với năm 2017, tổng tài sản và nguồn vốn giảm 127,5 tỷ đồng (31,3%).

Trong đó:

- Nợ phải trả giảm 106,2 tỷ đồng tương đương giảm 42,8%
- + Nợ ngắn hạn giảm 77,6 tỷ đồng chủ yếu là do nộp về ngân sách số tiền bán cổ phần sau khi quyết toán công tác cổ phần hóa và trả nợ vay các ngân hàng trong năm.
- + Nợ dài hạn giảm 28,6 tỷ đồng chủ yếu là do trả nợ vay các ngân hàng trong năm.

2. Về thực hiện nghĩa vụ tài chính

STT	Diễn giải	ĐVT	Thực hiện 2017	Năm 2018		Tỷ lệ thực hiện (%)	
				Kế hoạch	Thực hiện	So 2017	So KH
	Nghĩa vụ tài chính	đồng	16.045.602.281	-	14.950.804.139	93,2	-
1	Nộp thuế GTGT	đồng	-	-	-		-
2	Thuế thu nhập DN	đồng	1.102.624.534	-	369.320.137	33,5	-
3	Các loại thuế khác	đồng	5.649.113.309	-	5.566.648.959	98,5	-
4	Các khoản bảo hiểm	đồng	4.121.069.497	-	4.491.260.269	108,9	-
5	Các khoản phải nộp khác	đồng	5.172.794.941	-	4.523.574.774	87,4	-
6	Phí nước thải sinh hoạt	đồng	5.172.794.941	-	4.523.574.774	87,4	-

* Số nộp ngân sách năm 2018 giảm so với năm 2017 là 1,1 tỷ đồng (6,8%) do trong năm 2018 công ty lỗ nên không phát sinh thuế thu nhập doanh nghiệp.

3. Về sử dụng vốn đầu tư phát triển

STT	Diễn giải	Nguồn	Sử dụng	Còn lại
1	Năm 2017 chuyển sang	- 104.661.549.710		- 104.661.549.710
2	Năm 2018	42.848.687.405	25.835.531.200	17.013.156.205
2.1	Nguồn khấu hao TSCĐ	42.848.687.405		
2.2	Nguồn Quỹ ĐTP			
2.3	Trả nợ vay ODA		1.296.136.638	
2.4	Chênh lệch tỷ giá tính vào giá thành			
2.5	Đầu tư, mua sắm thiết bị, tài sản		24.539.394.562	
	- <i>Nhà cửa vật kiến trúc</i>		9.439.344.699	

STT	Diễn giải	Nguồn	Sử dụng	Còn lại
	- Máy móc thiết bị		6.024.694.254	
	- Thiết bị truyền dẫn		9.075.355.609	
	Cộng	- 61.812.862.305	25.835.531.200	- 87.648.393.505

* Nguồn vốn tái đầu tư 2017 chuyển sang: -104.661.549.710 đồng

* Khấu hao năm 2018: 42.848.687.405 đồng

* Sử dụng trả nợ vay ODA 2018: 1.296.136.638 đồng

* Sử dụng cho đầu tư phát triển: 24.539.394.562 đồng

* Còn lại: -87.684.393.505 đồng

4. Phân phối lợi nhuận:

Năm 2018 công ty kinh doanh lỗ, không có lợi nhuận nên không chia cổ tức năm 2018.

PHẦN II. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ CHỦ YẾU NĂM 2019

I. MỤC TIÊU

- Xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 duy trì mức tăng trưởng 4,74% trên m³ nước thương phẩm.

- Tổ chức sắp xếp lại sản xuất, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tiết kiệm chi phí sản xuất, tăng hiệu quả công tác.

- Đầu tư mở rộng mạng lưới cấp nước tăng sản lượng tiêu thụ, cải tạo chống thất thoát nước.

- Tiếp tục đổi mới công tác chăm sóc khách hàng, cải tiến và ứng dụng công nghệ mới nhằm nâng cao chất lượng nước, chất lượng dịch vụ ngày một tốt hơn, xây dựng đơn vị cấp nước an toàn.

II. CHỈ TIÊU SẢN XUẤT KINH DOANH

1. Kế hoạch sản lượng và doanh thu năm 2019

TT	Diễn giải	ĐVT	Thực hiện năm 2017	Thực hiện năm 2018	Kế hoạch năm 2019	So 2018 (%)
I	Sản lượng					
1	Nước thương phẩm	m ³	17.787.564	18.522.222	19.400.000	104,7
2	Số lượng khách hàng	hộ	80.107	83.701	86.241	103,0
II	Tỷ lệ thất thoát	%	18,11%	20%	20%	100%

TT	Diễn giải	ĐVT	Thực hiện năm 2017	Thực hiện năm 2018	Kế hoạch năm 2019	So 2018 (%)
III	Tổng doanh thu	đồng	134.141.290.343	135.694.473.252	148.000.000.000	109,1
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	đồng	130.102.334.984	135.054.802.458	148.000.000.000	109,1
	- Cấp nước	đồng	122.776.450.477	127.473.253.330	141.222.500.000	110,9
	- Lắp đặt, chuyển nhượng vật tư	đồng	3.832.021.441	4.316.706.851	3.500.000.000	81,1
	- Nước đóng chai	đồng	3.114.401.353	3.182.992.277	3.277.500.000	102,9
	- Doanh thu khác		379.461.713	81.850.000		
2	Doanh thu hoạt động tài chính	đồng	106.073.399	398.618.166		
3	Thu nhập khác	đồng	3.932.881.960	241.052.628		

2. Chi tiết giao kế hoạch sản xuất năm 2019 cho từng đơn vị

TT	Đơn vị	Thực hiện năm 2018			Kế hoạch năm 2019					
		Sản lượng (m ³)	Khách hàng (hộ)	Tỷ lệ TT (%)	Sản lượng KH (m ³ /năm)	Sản lượng (m ³ /tháng)	Tăng so 2018 (%)	Khách hàng (hộ)	Tỷ lệ TT (%)	Giảm TT (%)
1	Ng Chí Thanh	6.872.942	20.573	20,7	7.170.000	597.500	4,32	21.173	19,0	0,97
2	Phú Lợi	5.120.241	20.523		5.360.000	446.667	4,68	21.223		
3	Mỹ Xuyên	1.117.650	6.068	12,15	1.155.000	96.250	3,34	6.198	12,0	
4	Vĩnh Châu	997.417	5.997	21,41	1.040.000	86.667	4,27	6.197	19,0	2,41
5	Long Phú	555.905	3.709	14,44	588.000	49.000	5,77	3.809	14,0	
6	Mỹ Tú	400.197	2.302	21,75	420.000	35.000	4,95	2.362	17,0	4,75
7	Trần Đề	1.070.250	6.985	19,51	1.120.000	93.333	4,65	7.185	19,0	
8	Đại Ngãi	505.502	3.859	17,19	547.000	45.583	8,21	3.959	16,0	1,19
9	Kế Sách	699.077	5.375	20,68	745.000	62.083	6,57	5.675	19,0	
10	Thanh Trị	768.457	5.475	19,21	800.000	66.667	4,1	5.575	17,0	2,27
11	Ngã Năm	414.584	2.835	18,35	455.000	37.917	9,75	2.885	18,0	
	Tổng cộng	18.522.218	83.701	20,15	19.400.000	1.616.667	4,74	86.241	20,0	1,55
12	Lắp đặt	4.316.706.851 đồng			Kế hoạch doanh thu = 3.500.000.000 đồng					
13	Nước đóng chai	3.182.992.277 đồng			Kế hoạch doanh thu = 3.277.500.000 đồng					
14	Khác	81.850.000 đồng			Kế hoạch doanh thu = 100.000.000 đồng					
	Doanh thu (đồng)	7.581.549.128			6.877.500.000					

Trong đó:

- Sản lượng cấp nước kế hoạch 2019 tăng 4,74% so với năm 2018.
- Tỷ lệ thất thoát giảm 1,5% so với năm 2018.
- Phát triển khách hàng mới tăng 3% so với năm 2018.
- Sản lượng và doanh thu nước đóng chai tăng 3,03% so với năm 2018.

3. Một số chỉ tiêu tài chính năm 2019

Đơn vị tính: đồng

TT	Diễn giải	Thực hiện năm 2017	Thực hiện năm 2018	Kế hoạch năm 2019	So 2018 (%)
I	Chỉ tiêu kinh doanh				
1	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	8.853.583.316	(21.324.390.229)	(11.000.000.000)	51,58
2	Chi phí thuế thu nhập DN hiện hành	1.770.716.663			
3	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	7.082.866.653	(21.324.390.229)	(11.000.000.000)	51,58
4	Lãi cơ bản trên cổ phiếu		(1.344,27)	(0.693,43)	51,58
5	Lãi suy giảm trên cổ phiếu		(1.344,27)	(0.693,43)	51,58
6	Lãi, lỗ năm trước chuyển sang			(21.324.390.229)	
7	Lợi nhuận dùng để phân phối	7.082.866.653			
8	Phân chia lợi nhuận	7.082.866.653			
9	Trích quỹ dự phòng				
10	Trích quỹ đầu tư phát triển	225.662.463			
11	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	6.857.204.190			
12	Trả cổ tức				
13	Tỷ lệ cổ tức/vốn điều lệ				
14	Lợi nhuận chuyển năm sau				
II	Vốn điều lệ	158.631.330.000	158.631.330.000	158.631.330.000	100
III	Nghĩa vụ tài chính	16.045.602.281	14.950.804.139	16.300.000.000	109
	Nộp thuế GTGT	-	-	-	
	Thuế thu nhập DN	1.102.624.534	369.320.137	-	
	Nộp các loại thuế khác	5.649.113.309	5.566.648.959	6.000.000.000	107,8
	Nộp các khoản bảo hiểm	4.121.069.497	4.491.260.269	4.500.000.000	100,2
	Các khoản phải nộp khác	5.172.794.941	4.523.574.774	5.800.000.000	128,2
	Phí nước thải sinh hoạt	5.172.794.941	4.523.574.774	5.800.000.000	128,2

4. Kế hoạch đầu tư

Hội đồng quản trị và Ban điều hành nghiên cứu, thực hiện một số công tác đầu tư trong như sau:

4.1. Theo nội dung đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất ngày 28/12/2017 về việc đầu tư xây dựng nhà máy nước công suất 100.000 m³/ngày.đêm, với tổng mức đầu tư đã được phê duyệt vào khoảng 600 tỷ đồng. Nay bổ sung đầu tư thêm cụm xử lý nước nhiễm mặn vào dự án đầu tư nhà máy nước 100.000 m³/ngày.đêm, do đó sẽ dùng một phần trong tổng công suất trên để xây dựng cụm xử lý nước nhiễm mặn nhằm giải quyết vấn đề nguồn nước nhiễm mặn ngày càng cao. Do đó có thể đảm bảo chất lượng nước, an toàn cấp nước và đảm bảo nhu cầu sử dụng nước sạch của nhân dân.

4.2. Đầu tư cụm xử lý để nâng công suất tại 05 nhà máy nước: Nhà máy nước Khu công nghiệp, Nhà máy nước Ngã Năm, Nhà máy nước Kế Sách, Nhà máy nước Thạnh Trị và Nhà máy nước Long Phú đang trong giai đoạn thiếu hụt công suất để phục vụ nhân dân. Dự kiến tổng mức đầu tư khoảng 35 tỷ đồng.

4.3. Đầu tư xây dựng 04 giếng khoan trong đó: 01 giếng tại Trạm cấp nước Vĩnh Châu, 01 giếng tại Trạm cấp nước Hải Ngự (hai dự án đầu tư này đã có thiết kế), và 02 giếng vừa được UBND tỉnh phê duyệt chủ trương cho phép khoan giếng tại Trạm cấp nước Thạnh Trị và Trạm cấp nước Hưng Lợi. Dự kiến tổng mức đầu tư khoảng 8 tỷ đồng.

4.4. Đầu tư hệ thống điện mặt trời tại một số nhà máy nước nhằm giảm dần lượng tiêu thụ điện năng ngày càng lớn, giảm chi phí hoạt động của Công ty. Dự kiến tổng mức đầu tư khoảng 20 tỷ đồng.

4.5. Đầu tư dự án chống thất thoát, sửa chữa mạng lưới đường ống. Dự kiến tổng mức đầu tư khoảng 10 tỷ đồng.

4.6. Đầu tư nâng cấp hệ thống quản lý doanh nghiệp bằng công nghệ thông tin. Dự kiến tổng mức đầu tư khoảng 5 tỷ đồng.

5. Kế hoạch tiền lương và thu nhập cho người lao động

TT	Diễn giải	ĐVT	Thực hiện 2017	Thực hiện 2018	Kế hoạch 2019	So 2018 (%)
1	Số lao động	người	295	303	303	100%
	Chức danh quản lý chuyên trách	người	4	9	9	100%
	Chức danh quản lý không chuyên trách	người	1	1	1	100%
	Người lao động	người	290	293	293	100%
2	Quỹ tiền lương	đồng	28.273.088.760	31.235.957.028	31.135.845.455	99,68%
	Chức danh quản lý chuyên trách	đồng	1.609.920.000	3.903.089.259	3.803.000.000	97,44%
	Chức danh quản lý không chuyên trách	đồng	78.624.000	194.022.314	194.000.000	99,99%
	Người lao động	đồng	26.584.544.760	27.138.845.455	27.138.845.455	100%

TT	Diễn giải	ĐVT	Thực hiện 2017	Thực hiện 2018	Kế hoạch 2019	So 2018 (%)
3	Tiền ăn ca	đồng	2.575.235.988	2.630.520.604	2.715.600.000	103,2%
	Chức danh quản lý chuyên trách	đồng	35.040.000	78.840.000	78.840.000	100%
	Chức danh quản lý không chuyên trách	đồng	8.760.000	8.760.000	8.760.000	100%
	Người lao động	đồng	2.531.435.988	2.542.920.604	2.628.000.000	103,3%
4	Tổng thu nhập	đồng	30.848.324.748	33.866.477.632	34.858.765.000	102,93%
	Chức danh quản lý chuyên trách	đồng	1.644.960.000	3.981.929.259	3.881.840.000	97,49%
	Chức danh quản lý không chuyên trách	đồng	87.384.000	202.782.314	202.760.000	99,99%
	Người lao động	đồng	29.115.980.748	29.681.766.059	30.774.165.000	103,68%
5	Lương bình quân	đ/ng/th				
	Chức danh quản lý chuyên trách	đ/ng/th	34.270.000	36.869.715	35.942.963	97,49%
	Chức danh quản lý không chuyên trách	đ/ng/th	7.282.000	16.898.526	16.896.667	99,99%
	Người lao động	đ/ng/th	8.366.661	8.441.913	8.441.913	100%

III. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Các giải pháp sản xuất kinh doanh

- Triển khai công tác khảo sát địa bàn, các công trình cấp nước đề nghị mở rộng, hiệu quả đầu tư để sớm có kế hoạch thực hiện.

- Phối hợp với Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh kiểm tra, giám sát chất lượng nguồn nước theo tiêu chuẩn cho phép.

- Đánh giá hoạt động của các nhà máy sản xuất, đầu tư bổ sung nguồn nước khai thác phục vụ để hoàn thành kế hoạch và đảm bảo nguồn nước cung cấp cho người tiêu dùng.

- Các đơn vị trực thuộc theo dõi các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh thường xuyên, giảm lượng nước thất thoát, tăng cường công tác quản lý khách hàng, đánh giá nguyên nhân tăng giảm sản lượng theo từng thời điểm.

2. Các giải pháp công nghệ, tiết kiệm chi phí sản xuất

- Thường xuyên đổi mới kỹ thuật, công nghệ trong quá trình sản xuất, ứng dụng kịp thời các thành tựu tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất.

- Không ngừng hoàn thiện và nâng cao trình độ tổ chức sản xuất, tổ chức lao động trong để nâng cao năng suất lao động, tiết kiệm chi phí lao động, vật tư, chi phí quản lý, hạn chế tối đa các tổn thất và thiệt hại không đáng có trong quá trình sản xuất... từ đó có thể tiết kiệm chi phí và hạ giá thành.

- Tiếp tục thực hiện cải tiến hoàn thiện cơ chế khoán sản phẩm.

- Tăng cường công tác quản lý kiểm tra, giám sát tài chính đối với việc sử dụng các loại chi phí và giá thành sản phẩm của doanh nghiệp.

3. Công tác quản trị

- Giáo dục cán bộ công nhân viên nâng cao tinh thần trách nhiệm, thúc đẩy phong trào thi đua hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Quan tâm chú trọng đến việc cải tiến lề lối làm việc có hiệu quả, chấp hành chủ trương đường lối của Đảng, chính sách pháp luật nhà nước, quy chế, nội quy doanh nghiệp.

- Đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực tại chỗ kết hợp tuyển chọn từ bên ngoài, coi trọng công tác đãi ngộ để thu hút và giữ chân những lao động chất lượng cao.

- Đánh giá lại công việc cụ thể của từng đơn vị để xây dựng định lao động phù hợp, luân chuyển bố trí nhân lực đảm bảo lãnh đạo và điều hành sản xuất có hiệu quả.

- Xây dựng quy chế tiền lương, tiền thưởng, động viên khuyến khích được những cán bộ, công nhân viên có trình độ chuyên môn cao, có khả năng đảm nhận và giải quyết những công việc quan trọng và đòi hỏi sự phức tạp khi thực hiện. Tiền lương phải gắn liền với kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao. Không chỉ căn cứ vào công việc, hệ số lương để tính lương mà còn phải xét đến trình độ, năng lực cụ thể của mỗi người thông qua hiệu quả công việc và năng suất lao động.

- Thường xuyên chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động. Thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở, tạo môi trường làm việc tốt, động viên khuyến khích CB.CNV phát huy năng lực bản thân hoàn thành tốt công việc được giao, đóng góp vào sự phát triển chung của công ty.

Trân trọng kính chào./. ✍

Nơi nhận:

- HĐQT, Ban TGD
- Cổ đông công ty;
- Các đơn vị trực thuộc;
- Lưu: VT

**T.M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Trọng Hiếu

Số: 21.../BC-HĐQT

Sóc Trăng, ngày 12. tháng 8. năm 2019

BÁO CÁO
Hoạt động của Hội đồng quản trị công ty năm 2018

Thực hiện Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Cấp nước Sóc Trăng, Hội đồng quản trị báo cáo hoạt động năm 2018, như sau:

I. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY NĂM 2018

1. Cơ cấu thành viên HĐQT

Hội đồng quản trị công ty gồm 05 thành viên:

- Ông Nguyễn Trọng Hiếu - Đại diện phần vốn cổ đông chiến lược HAWACO, giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT.

- Ông Nguyễn Quang Mãi - Đại diện phần vốn cổ đông chiến lược HAWACO, giữ chức vụ thành viên HĐQT.

- Ông Trần Anh Hòa - Đại diện phần vốn nhà nước, giữ chức vụ thành viên HĐQT.

- Ông Hoàng Văn Công - Đại diện phần vốn nhà nước, giữ chức vụ thành viên HĐQT.

- Ông Đặng Văn Ngộ - Đại diện phần vốn nhà đầu tư cá nhân, giữ chức vụ thành viên HĐQT.

2. Kết quả sản xuất kinh doanh

Năm 2018, sản lượng nước thương phẩm và doanh thu tăng so với năm 2017, tuy nhiên do phát sinh chi phí sản xuất kinh doanh tăng cao, các nguyên, vật liệu đầu vào liên tục tăng, việc điều chỉnh giá bán nước chưa được các ngành chức năng và UBND tỉnh phê duyệt kịp thời trên cơ sở tính đúng, tính đủ theo quy định, từ đó làm ảnh hưởng lớn đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của công ty.

Hiện nay, nguồn vốn đầu tư công ty đang gặp khó khăn nên việc triển khai thực hiện các dự án phát triển hệ thống cấp nước chưa đạt tiến độ đề ra. Tình trạng biến đổi khí hậu, hiện tượng xâm ngập mặn ngày càng trở nên trầm trọng tại tỉnh Sóc Trăng gây tác động đến nguồn nước cung cấp, một số khu vực bị thiếu nguồn nước không đủ cung cấp làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của toàn công ty.



*** Kết quả thực hiện**

- M³ nước thương phẩm: 18.522.222 m³, đạt 99,05% so với kế hoạch;
- Doanh thu 135,7 tỷ đồng, đạt 102,8% so với kế hoạch;
- Lợi nhuận: -21,3 tỷ đồng;
- Nộp thuế: 10,5 tỷ đồng;
- Hộ khách hàng tính đến cuối năm 2018 là 83.701 hộ, tăng 3.594 hộ.

3. Về hoạt động của HĐQT

Đề hoạt động của Hội đồng quản trị được hiệu quả, tuân thủ pháp luật và Điều lệ công ty, đồng thời nhằm đề cao vai trò, trách nhiệm cá nhân của từng thành viên Hội đồng quản trị. Ngay từ đầu năm 2018, Hội đồng quản trị đã thống nhất ban hành Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐQT ngày 10/01/2018 về việc phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng quản trị để điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty được hiệu quả.

Bên cạnh đó, Chủ tịch Hội đồng quản trị cũng thường xuyên tham gia các cuộc họp Ban điều hành, các cuộc họp giao ban để nghe báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, đồng thời có những ý kiến chỉ đạo trực tiếp tại cuộc họp để Ban Tổng Giám đốc điều hành sản xuất kinh doanh đạt được kết quả tốt nhất.

Trong năm 2018, HĐQT đã tổ chức 6 phiên họp, 8 đợt lấy ý kiến bằng văn bản các thành viên HĐQT và đã ban hành 16 Nghị quyết, Quyết định điều hành sản xuất kinh doanh trên cơ sở tuân thủ quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

4. Về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

- Điều hành thực hiện nghiêm chỉnh các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị; duy trì hoạt động công ty ổn định, bảo đảm an toàn về tài sản, không có tai nạn lao động xảy ra, đảm bảo quan hệ lao động hài hoà, ổn định trong doanh nghiệp.

- Thực hiện đúng chế độ báo cáo và lập kế hoạch thực hiện sản xuất kinh doanh, thu chi hàng tháng trình HĐQT phê duyệt đúng theo quy định. Đối với các công việc ngoài thẩm quyền, Ban Tổng Giám đốc gửi văn bản trình xin ý kiến phê duyệt của Hội đồng quản trị mới được triển khai thực hiện.

- Quyền lợi của người lao động được đảm bảo, các chế độ chính sách cho người lao động thực hiện đầy đủ đúng theo quy định, người lao động được tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp và được trả lương kịp thời, đầy đủ.

20010
ÔNG
PH
P N
C TR
G - T. S

- Tuy nhiên, một số chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chưa đạt được kỳ vọng của Đại hội đồng cổ đông đề ra.

II. ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Tăng cường công tác quản lý, giám sát, chỉ đạo các hoạt động của các đơn vị, bảo đảm thực hiện đúng các nội dung đã được thông qua trong các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT công ty.

- Huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong việc sản xuất kinh doanh nhằm thu lợi nhuận tối đa, tăng cổ tức cho các cổ đông, tạo thêm việc làm, thu nhập cho người lao động, phát triển và mở rộng đa dạng ngành nghề kinh doanh.

- Tiếp tục đầu tư cải tạo, nâng cấp hệ thống cấp nước, kiểm soát tốt chất lượng nước; cải tạo, sửa chữa, thay thế các tuyến ống không bảo đảm chất lượng, tỷ lệ thất thoát cao...

- Thực hiện các dự án phát triển hệ thống cấp nước, nâng công suất khai thác nước sạch các nhà máy với lộ trình đầu tư phù hợp, hiệu quả, đảm bảo cấp nước an toàn, đầy đủ cho người dân và các doanh nghiệp trong tỉnh Sóc Trăng.

- Ứng dụng khoa học, công nghệ thông tin trong quản lý và vận hành hệ thống cấp nước, phân đầu hàng năm tỷ lệ thất thu, thất thoát giảm.

Trên đây là báo cáo về hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2018, xin báo cáo trước Đại hội.

Trân trọng kính chào./.

Nơi nhận:

- HĐQT, Ban TGD;
- Đại hội đồng cổ đông;
- Các đơn vị trực thuộc;
- Lưu: VT, HS.ĐHĐCĐ.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



(Signature)
Nguyễn Trọng Hiếu





CÔNG TY CP CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG
BAN KIỂM SOÁT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 02../BC-BKS

Sóc Trăng, ngày 07 tháng 01 năm 2019

BÁO CÁO

Hoạt động của Ban kiểm soát và tóm tắt BCTC năm 2018 đã được kiểm toán tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty Cổ phần Cấp nước Sóc Trăng

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cấp nước Sóc Trăng

Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp nước Sóc Trăng xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2019 về kết quả hoạt động của Ban kiểm soát năm 2018 như sau:

1. Thành viên Ban kiểm soát, hoạt động, thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát

1.1. Thành viên Ban kiểm soát

Ngày 27/12/2017, Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) lần thứ nhất năm 2017 của công ty đã bầu ra Ban kiểm soát (BKS) công ty nhiệm kỳ 2017-2022, bao gồm 03 thành viên:

- | | |
|---------------------|------------------|
| - Ông Vũ Tiên Bộ | - Kiểm soát viên |
| - Ông Nguyễn Văn Gỡ | - Kiểm soát viên |
| - Ông Đỗ Chí Công | - Kiểm soát viên |

Ngày 10/01/2018, Ban kiểm soát đã tiến hành phiên họp lần thứ nhất để bầu các chức danh trong Ban kiểm soát. Và đã thống nhất bầu ông Vũ Tiên Bộ làm Trưởng ban kiểm soát và ông Nguyễn Văn Gỡ làm Phó trưởng ban.

1.2. Hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát đã phân công nhiệm vụ cho các thành viên và phối hợp thực hiện tốt nhiệm vụ thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị và điều hành của công ty.

Trong năm 2018, Ban Kiểm soát đã thực hiện các công việc sau:

- Tổ chức họp định kỳ và họp khi có công việc đột xuất để triển khai công việc theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao; luôn bám sát Điều lệ công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

- Thường xuyên trao đổi giữa các thành viên BKS cũng như với Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban Tổng giám đốc (Ban TGD), nhằm mục đích bảo đảm các hoạt động của công ty là phù hợp và đáp ứng quyền lợi của cổ đông.

- Xem xét các báo cáo tài chính (BCTC), báo cáo tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD) và chương trình kế hoạch của công ty theo định kỳ.

- Tham gia ý kiến với HĐQT trong việc đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập để kiểm toán BCTC năm 2018 của công ty.

- Giám sát hoạt động của HĐQT, Ban TGD và các cán bộ quản lý khác của công ty đảm bảo theo đúng chức năng nhiệm vụ của từng bộ phận.

1.3. Thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát:

- Tổng mức thù lao chi cho các thành viên Ban kiểm soát trong năm 2018 là: 814.166.840 đồng, tương đương 100% thù lao được ĐHĐCĐ duyệt tại đại hội cổ đông lần thứ nhất là bằng 0,6% tổng doanh thu của công ty.

2. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của công ty

2.1. Kết quả giám sát hoạt động kinh doanh

Ban kiểm soát đã giám sát công tác tổ chức hoạt động SXKD, thẩm định báo cáo kết quả hoạt động năm 2018 của công ty và thống nhất đánh giá như sau:

- Năm 2018, công ty tiếp tục thực hiện công tác tổ chức, sắp xếp phân loại lao động nhằm khuyến khích người lao động tích cực phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ được giao. Đời sống của cán bộ công nhân viên được đảm bảo, thu nhập ổn định, các chế độ của người lao động được công ty thực hiện kịp thời, đúng quy định. Dưới sự phân công, chỉ đạo của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc đã triển khai thực hiện về cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh của công ty trong năm 2018 như sản lượng sản xuất, tiêu thụ và doanh thu. Tuy nhiên, có một số chỉ tiêu không hoàn thành được như kế hoạch đặt ra.

- Một số khách hàng tiếp tục khiếu nại về việc thu phí thoát nước trên địa bàn thành phố Sóc Trăng, do tuyến thoát nước chưa đảm bảo yêu cầu. Vì vậy, chậm thanh toán hóa đơn sử dụng nước hàng tháng đã làm ảnh hưởng đến doanh thu do nợ tồn kéo dài.

- Năm 2018, giá cả vật tư nguyên vật liệu đầu vào phục vụ cho sản xuất tiếp tục tăng, làm ảnh hưởng đến chi phí sản xuất. Với việc đầu tư cho sửa chữa cải tạo những năm 2016, 2017 cho hệ thống mạng cấp nước của thành phố và khu vực các huyện bằng nguồn vốn vay ngắn hạn và trung hạn đối ứng từ ngân hàng, dẫn đến áp lực trả nợ gốc các khoản vay ngắn hạn và chi phí lãi vay năm 2018 tăng cao. Dẫn tới mất cân đối về tài chính, nợ nhà cung cấp hóa chất, vật tư và nhà thầu thi công kéo dài. Bên cạnh đó, việc đánh giá lại tài sản khi cổ phần hóa tăng lên làm cho chi phí khấu hao, chi phí khác tăng, mặc dù doanh nghiệp đã chủ động báo cáo và xây dựng phương án giá nước mới từ đầu năm để trình phê duyệt nhưng vẫn chưa được chấp thuận.

2.2. Kết quả giám sát việc thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ lần thứ nhất năm 2017

- Công ty đã thực hiện chi trả thù lao HĐQT, thù lao BKS theo đúng như tỷ lệ đã được ĐHĐCĐ lần thứ nhất phê duyệt.

- Công ty đã thực hiện về cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2018 về tổng doanh thu, mức thu nhập bình quân, tuy nhiên chỉ tiêu lợi nhuận lại không đạt kế hoạch.

- Công ty đã lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018 là Công ty TNHH PKF Việt Nam.

2.3. Kết quả thẩm định Báo cáo tài chính năm 2018

Trên cơ sở BCTC năm 2018 của công ty đã được kiểm toán bởi kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam, BKS đã thẩm định và nhất trí báo cáo với ĐHĐCĐ như sau:

- Thống nhất với BCTC năm 2018 của công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam.

- Báo cáo đã phản ánh chính xác tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31/12/2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong giai đoạn tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/12/2018 là phù hợp với các quy định của hệ thống kế toán hiện hành, không có sai sót quá trọng yếu xảy ra trong năm 2018 về công tác hạch toán kế toán.

Theo BCTC đã được kiểm toán đến 31/12/2018, các chỉ tiêu cơ bản thực hiện trong năm 2018 như sau:

a) Về kết quả kinh doanh hợp nhất:

TT	Chỉ tiêu	Giá trị (VND)	Ghi chú
1	Tổng doanh thu:	135.694.473.252	
2	Lợi nhuận trước thuế:	(21.324.390.229)	
3	Lợi nhuận sau thuế:	(21.324.390.229)	

b) Về tài sản:

TT	Chỉ tiêu	Giá trị (VND)	Ghi chú
1	Tài sản ngắn hạn	22.501.123.220	
2	Tài sản dài hạn	256.806.682.083	
3	Tổng tài sản	279.307.805.303	

c) Vốn chủ sở hữu: 137.306.939.771 đồng

d) Tổng kết và so sánh các chỉ tiêu trên với kế hoạch của công ty đặt ra cho năm tài chính 2018 được thể hiện như sau:

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2018 (triệu đồng)	Thực hiện 2018 (triệu đồng)	Tỷ lệ (so với KH 2018)
1	Tổng doanh thu	132.000	135.694	102,8%
2	Lợi nhuận trước thuế	0	(21.324)	
3	Lợi nhuận sau thuế	0	(21.324)	

Với chỉ tiêu về lợi nhuận thực hiện nói trên cho thấy năm 2018 công ty chưa lường trước được tình hình thực tế và do chưa đánh giá đúng được tình hình tài chính công ty, do vậy đối với kế hoạch năm SXKD năm 2019 đề nghị các phòng ban công ty, Ban Tổng giám đốc cũng cần phải nghiên cứu để đưa ra kế hoạch SXKD sát được với tình hình thực tế,

3. Kết quả giám sát đối với HĐQT, Ban TGD và các cán bộ quản lý

3.1. Đánh giá hoạt động của HĐQT

- HĐQT đã tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ công ty về: Chế độ họp, trình tự, thủ tục triệu tập họp, ghi biên bản, ra nghị quyết phiên họp.

- Nội dung các nghị quyết của HĐQT được thông qua đúng với chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT, phù hợp với Nghị quyết của ĐHĐCĐ, không trái với quy định của pháp luật, Điều lệ công ty; và đáp ứng được yêu cầu phát triển cũng như nhiệm vụ của công ty.

- HĐQT đã giám sát chặt chẽ và chỉ đạo kịp thời Ban TGD trong hoạt động điều hành SXKD, giám sát việc thực hiện Nghị quyết của HĐQT, ĐHĐCĐ.

- Trong năm 2018, BKS không nhận được bất kỳ kiến nghị, khiếu nại nào của cổ đông về sai phạm của HĐQT trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

- Trong quá trình thực thi nhiệm vụ, BKS đã được HĐQT phối hợp, tạo điều kiện thuận lợi để BKS hoàn thành nhiệm vụ.

3.2. Đánh giá hoạt động của Ban TGD và cán bộ quản lý khác

- Ban kiểm soát đánh giá cao những nỗ lực và cố gắng của Ban TGD công ty trong công tác điều hành hoạt động SXKD, tổ chức triển khai các Nghị quyết của HĐQT, ĐHĐCĐ.

- Trong năm vừa qua, BKS không phát hiện thấy vấn đề gì bất thường trong công tác quản lý điều hành của Ban TGD và các cán bộ quản lý khác trong công ty;

- Trong cả năm 2018, BKS không nhận được bất kỳ đơn thư khiếu nại, khiếu kiện nào có liên quan đến bất kỳ thành viên nào của Ban TGD công ty.

- Hiện nay, biên chế lao động của công ty vẫn còn khá cồng kềnh, dẫn đến năng suất lao động vẫn chưa cao, Ban lãnh đạo công ty nên xem xét nghiên cứu để tăng năng suất lao động cho CB.CNV công ty.

3.3. Công tác giám sát, kiểm tra thực hiện quy định về quản trị nội bộ công ty

- Trong năm 2018, HĐQT đã cho sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy phạm quản lý nội bộ của công ty nhằm đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ quản lý và phát triển của công ty trong giai đoạn đổi mới, tái cơ cấu doanh nghiệp hiện nay.

- HĐQT đã chỉ đạo, giám sát Ban TGD và bộ máy điều hành trong việc tuân thủ các quy phạm quản lý nội bộ; Ban TGD đã có nhiều nỗ lực trong việc tổ chức triển khai các hoạt động SXKD, đồng thời đã thực hiện khá tốt công tác quản trị nội bộ, hạn chế được nhiều rủi ro và sai phạm có thể xảy ra.

- BKS đã thường xuyên thực hiện hoạt động kiểm tra, kiểm soát việc thực hiện các quy phạm quản lý nội bộ, công tác ký kết và thực hiện các hợp đồng, giao dịch theo đúng quy định, tiến hành cùng các phòng ban kiểm kê, kiểm tra tình trạng tài sản cố định, hàng tồn kho, các công trình dự án thi công của công ty.

4. Kết luận và kiến nghị

4.1. Kết luận

Qua hoạt động thực thi nhiệm vụ do ĐHĐCĐ giao trong năm 2018, BKS nhận thấy, các cơ quan quản trị, điều hành và bộ máy hoạt động của Công ty Cổ

phần Cấp nước Sóc Trăng đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

4.2. Kiến nghị

Công ty nên tiếp tục theo dõi, nghiên cứu và sửa đổi các quy chế, quy định về khoán định mức và quản lý theo định mức đối với vật tư, hóa chất tiêu hao trong sản xuất nước, các chi phí quản lý phát sinh thường xuyên trong quản lý doanh nghiệp như (VPP, CCDC văn phòng...), khoán lương đối với sản phẩm và định biên vị trí công việc... cho phù hợp trong các năm tiếp theo.

Tiến hành chào giá, đấu thầu hoặc khoán đối với kể cả các công việc dự án xây lắp đảm bảo minh bạch, tiết kiệm và có hiệu quả nhất trong các dự án đầu tư và sửa chữa của công ty.

Công ty cần phải thường xuyên tổng kết, đánh giá tính phù hợp và hiệu quả của các văn bản quy phạm quản lý nội bộ để kịp thời sửa đổi, bổ sung cho thích hợp, đáp ứng yêu cầu phát triển và nhiệm vụ của công ty trong từng giai đoạn, thời kỳ phát triển.

Trên đây là Báo cáo hoạt động trong năm 2018 của Ban kiểm soát. Kính trình Đại hội thông qua. Chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT, BKS;
- Ban TGD;
- Lưu: VT, HĐQT.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Vũ Tiến Bộ

CÔNG TY CP CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 22.../TTr-HĐQT

Sóc Trăng, ngày 12 tháng 8 năm 2019

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp nước Sóc Trăng được Đại hội đồng cổ đông thành lập thông qua ngày 27/12/2017;

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty Cổ phần Cấp nước Sóc Trăng đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam,

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua Báo cáo tài chính nêu trên.

(Báo cáo được đăng tải từ ngày 28/3/2019 trên trang thông tin điện tử của công ty tại địa chỉ <http://www.soctrangwaco.vn> tại mục Quan hệ cổ đông)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định./. 4

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: HS, ĐHCĐ.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Trọng Hiếu

Số: 27.../TTr-HĐQT

Sóc Trăng, ngày 23 tháng 8 năm 2019

TỜ TRÌNH

V/v thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019
và Kế hoạch đầu tư trong những năm tới

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cấp nước Sóc Trăng

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 có hiệu lực thi hành từ 01/07/2015;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp nước Sóc Trăng được Đại hội đồng cổ đông thành lập thông qua ngày 27/12/2017;

Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-ĐHĐCĐ phiên họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất Công ty Cổ phần Cấp nước Sóc Trăng ngày 28/12/2017,

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 thông qua một số nội dung về Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 và Kế hoạch đầu tư trong những năm tới của Công ty Cổ phần Cấp nước Sóc Trăng như sau:

I. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện	Ghi chú
1	Sản lượng nước thương phẩm	m ³	19.400.000	
2	Tổng doanh thu	đồng	148.000.000.000	
3	Thu nhập bình quân (đồng/người)	đồng	8.441.913	

II. Kế hoạch đầu tư trong những năm tới

Các hạng mục đầu tư theo nội dung của Báo cáo tổng kết năm 2018 và Phương hướng năm 2019 như sau:

1. Đầu tư xây dựng bổ sung cụm xử lý nước nhiễm mặn vào dự án đầu tư nhà máy nước công suất 100.000 m³/ngày.đem đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất ngày 28/12/2017.

2. Đầu tư xây dựng các cụm xử lý nhằm nâng công suất tại 05 Nhà máy nước gồm: Khu công nghiệp, Ngã Năm, Kế sách, Thạnh Trị và Long Phú.

3. Đầu tư xây dựng 04 giếng khoan tại các Trạm cấp nước: Vĩnh Châu, Hải Ngư, Thạnh Trị, Hưng Lợi.

4. Đầu tư hệ thống điện mặt trời tại một số nhà máy nước nhằm giảm dần lượng tiêu thụ điện năng.

5. Đầu tư dự án chống thất thoát như sửa chữa mạng lưới đường ống.

6. Đầu tư nâng cấp hệ thống quản lý doanh nghiệp bằng công nghệ thông tin.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và quyết định./. 4

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: HS, ĐHĐCĐ.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Trọng Hiếu

Số: 24../TTr-HĐQT

Sóc Trăng, ngày 12 tháng 8 năm 2019

TỜ TRÌNH

Về việc quyết toán thù lao năm 2018 và Kế hoạch thù lao năm 2019 của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 có hiệu lực thi hành từ 01/07/2015;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp nước Sóc Trăng được Đại hội đồng cổ đông thành lập thông qua ngày 27/12/2017,

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Sóc Trăng kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 thông qua quyết toán và kế hoạch mức thù lao của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát như sau:

1. Thực hiện năm 2018

1.1. Dự toán thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2018 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thành lập năm 2017 như sau:

- Hội đồng quản trị: 1% trên Tổng doanh thu
- Ban Kiểm soát: 0,6% trên Tổng doanh thu

1.2. Quyết toán thù lao thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2018 như sau:

- Hội đồng quản trị: $1\% \times 135.694.473.252 \text{ đồng} = 1.356.944.733 \text{ đồng}$
(Một tỷ, ba trăm năm mươi sáu triệu, chín trăm bốn mươi bốn ngàn, bảy trăm ba mươi ba đồng)

- Ban Kiểm soát: $0,6\% \times 135.694.473.252 \text{ đồng} = 814.166.840 \text{ đồng}$
(Tám trăm mười bốn triệu, một trăm sáu mươi sáu ngàn, tám trăm bốn mươi chục đồng).

Đơn vị tính: đồng

STT	Diễn giải	Chức vụ	Thù lao
A	Hội đồng quản trị		1.356.944.733
1	Nguyễn Trọng Hiếu	Chủ tịch HĐQT	579.934.776
2	Đặng Văn Ngo	Thành viên	193.995.881
3	Trần Anh Hòa	Thành viên	193.995.881

STT	Diễn giải	Chức vụ	Thù lao
4	Nguyễn Quang Mãi	Thành viên	193.995.881
5	Hoàng Văn Công	Thành viên	195.022.314
B	Ban Kiểm soát		814.166.840
1	Vũ Tiến Bộ	Trưởng ban	285.691.144
2	Nguyễn Văn Gỡ	P.Trưởng ban	271.361.808
3	Đỗ Chí Công	Thành viên	257.113.888

2. Kế hoạch thù lao năm 2019

Đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua kế hoạch chi trả thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2019 như sau:

- Hội đồng quản trị: 0,9% trên Tổng doanh thu.
- Ban Kiểm soát: 0,5% trên Tổng doanh thu.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định./. 4

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: HS, ĐHĐCĐ.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Trọng Hiếu



Số: 25...../TTr-HĐQT

Sóc Trăng, ngày 12. tháng 8. năm 2019

TỜ TRÌNH

Về việc bổ sung thành viên Hội đồng quản trị
Công ty Cổ phần Cấp nước Sóc Trăng, nhiệm kỳ 2017-2022

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019

Căn cứ điểm đ khoản 1 và khoản 2 điều 50 của Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp nước Sóc Trăng được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 27/12/2017;

Căn cứ Quyết định số 1247/QĐ-UBND ngày 04/5/2019 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc thay đổi người đại diện phần vốn Nhà nước tại Công ty Cổ phần Cấp nước Sóc Trăng;

Căn cứ Nghị quyết số 06/NQ-HĐQT ngày 30/5/2019 của Hội đồng quản trị về việc miễn nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Sóc Trăng,

Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông Công ty phê chuẩn:

Bổ sung ông **Võ Thanh Văn** là người đại diện phần vốn Nhà nước tại Công ty tham gia thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Sóc Trăng nhiệm kỳ 2017-2022, thay thế cho ông Hoàng Văn Cuông do không còn đại diện phần vốn Nhà nước tại Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: HS, ĐHĐCĐ.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Trọng Hiếu

Số: LC./TTr-HĐQT

Sóc Trăng, ngày 12 tháng 8 năm 2019

TỜ TRÌNH

Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019

Căn cứ Luật doanh nghiệp năm 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp nước Sóc Trăng được Đại hội đồng cổ đông thành lập thông qua ngày 27/12/2017,

Để đảm bảo hoạt động của Công ty Cổ phần cấp nước Sóc Trăng phù hợp với các quy định của pháp luật, Hội đồng quản trị (HĐQT) kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên 2019 thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính (BCTC) Công ty trong năm tài chính 2019 như sau:

1. Tiêu chí lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập

Đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán BCTC của công ty trong năm tài chính 2019 phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

- Là đơn vị kiểm toán độc lập, có chức năng kiểm toán BCTC của công ty cổ phần đại chúng quy mô lớn và công ty niêm yết trên sàn chứng khoán theo quy định của pháp luật;
- Không xung đột về lợi ích khi thực hiện kiểm toán BCTC của công ty;
- Có mức phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với nội dung, phạm vi và tiến độ kiểm toán theo yêu cầu của công ty.

2. Đề xuất của Hội đồng quản trị

Trên cơ sở các tiêu chí lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập tại mục 1, HĐQT đề xuất chọn đơn vị kiểm toán độc lập là Công ty TNHH PKF Việt Nam làm đơn vị cung cấp dịch vụ kiểm toán BCTC Công ty trong năm tài chính 2019.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định./. *A*

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: HS, ĐHĐCĐ.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Trọng Hiếu